

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CN
TỈNH CM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 209 /2018/HNGĐ - ST

Ngày: 28 – 9 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CN, TỈNH CM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Hữu Khánh

Ông: Nguyễn Văn Mầm

- Th ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện CN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018. Về việc *“Tranh chấp ly hôn”* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mạc Thị Th - Sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện CN, tỉnh CM.

- Bị đơn: Anh Phan Văn H - Sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện CN, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Về hôn nhân: Chị Mạc Thị Th và anh Phan Văn H kết hôn với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Thế Trân, huyện CN, tỉnh CM. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th và anh H bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, thường hay cự cãi nhau. Chị Th và anh H sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa, chị Mạc Thị Th giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Văn H.

- Về con chung: Chị Mạc Thị Th và anh Phan Văn H có 02 người con chung tên Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 01 – 01 – 2002 và Phan Như T, sinh ngày 05 – 11 – 2003, hiện nay con đang sống chung với anh H. Sau khi ly hôn chị Th yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Mạc Thị Th xác định trong thời gian chung sống chị và anh H không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Mạc Thị Th xác định trong thời gian chung sống chị và anh H không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa chị Mạc Thị Th và anh Phan Văn H là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh H có địa chỉ tại ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Th và anh H kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Thế Trân, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, hôn nhân của chị Th và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị Th và anh H thực sự có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được, chị Th và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2017. Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H. Anh H không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Th có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Th đã được Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã triệu tập anh H hợp lệ đến lần thứ hai, với nội dung triệu tập anh H đến Tòa án nhân dân huyện CN để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh H. Anh H không đến Tòa án để hòa giải và tham dự phiên tòa, cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Phan Thị Mỹ L và Phan Như T đã trên 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét

nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Từ khi chị Th và anh H sống ly thân đến nay cháu L và cháu T sống chung với anh H. Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 27 – 9 – 2018 đối với Phan Thị Mỹ L và Phan Như T của Tòa án nhân dân huyện CN thì cháu L và cháu T trình bày nguyện vọng muốn được sống với cha là anh Toàn. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của cháu L và cháu T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh H vắng mặt và không có ý kiến gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Th xác định trong thời gian chung sống chị và anh H không có tài sản chung, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Th xác định trong thời gian chị và anh H chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh H vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Mạc Thị Th được ly hôn với anh Phan Văn H.

Về con chung: Giao cháu Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 01 – 01 – 2002 và Phan Như T, sinh ngày 05 – 11 – 2003 cho anh Phan Văn H tiếp tục nuôi, chị Mạc Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mạc Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Th có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004539 ngày 21 – 6 – 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN, sau khi đối trừ chị Th nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Phan Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự H thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Mạc Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nH được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CM;
- VKSND huyện CN;
- Chi cục THADS huyện CN;
- UBND xã Lương Thế Tr huyện CN;
- Đường sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn A Đam

